

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **291/2022/HS-ST**
Ngày: 13-7-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi;
2. Ông Trần Công Danh.

- Thư ký phiên tòa: Vũ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 268/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 286/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2022 đối với:

Bị cáo: **Phan Nguyễn Tuấn A**; sinh năm 2002 tại Đồng Nai; Tên gọi khác: Q; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: 82/14, tổ A, khu phố B, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Họ tên cha: Phan Thanh T, sinh năm 1981 (còn sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Thái Kim T, Sinh năm 1985 (còn sống); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Bị cáo sống chung như vợ chồng với Huỳnh Ngọc Thanh T, sinh năm 2004; Có 02 con, con lớn sinh năm 2019 (chưa đăng ký khai sinh), con nhỏ sinh năm 2020 (chưa đăng ký khai sinh); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

- Bị hại: Bà **Nguyễn Phan Trần Hoàng U**, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Vào khoảng 19h30 ngày 25/11/2021, Phan Nguyễn Tuấn A, nhờ 01 người tên Nguyễn (không rõ nhân thân lai lịch) chở đến nhà chị họ tên Nguyễn Phan Trần Hoàng U, sinh năm 2003, địa chỉ: tổ A, khu phố B, phường T, thành phố B, Đồng Nai để xin tiền tiêu xài. Do nhà chị U không khóa cửa nên A đi vào nhà gọi nhưng không thấy có ai trả lời. Cùng lúc này, A quan sát thấy có chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax đang cắm sạc pin trên bàn nên A lấy trộm bỏ vào túi quần bên phải của mình, rồi đi ra ngoài nhờ Nguyễn chở về nhà, A không nói cho Nguyễn biết về việc trộm cắp điện thoại. Đến khoảng 20h00 cùng ngày, chị U phát hiện điện thoại đã bị mất nên ngày 26/11/2021 chị U đến Công an phường T trình báo sự việc. Do điện thoại chị U có cài định vị nên tối cùng ngày Công an cùng chị U đến vị trí được định vị thì phát hiện đây là nhà của Phan Nguyễn Tuấn A cùng với chiếc điện thoại bị mất cắp nên lập biên bản thu giữ tang vật.

- Vật chứng và xử lý:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, đã trả lại cho bị hại.

+ 01 ốp lưng cho điện thoại Iphone 11 Promax, đã trả lại cho bị hại.

- Kết luận định giá tài sản số 491 ngày 06/12/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa xác định: 01 điện thoại Iphone 11 Promax loại 64GB có giá trị 20.825.000đ (hai mươi triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

- Kết luận định giá tài sản số 92 ngày 21/03/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa xác định: 01 ốp lưng cho điện thoại Iphone 11 Promax có giá trị 33.600đ (ba mươi ba ngàn sáu trăm đồng).

- Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu bồi thường.

2. Các vấn đề khác:

Trong quá trình điều tra còn xác định được Phan Nguyễn Tuấn A đã có hành vi giao cấu với Huỳnh Ngọc Thanh T, sinh ngày 19/11/2004, tại thời điểm thực hiện hành vi giao cấu Tâm đã trên 13 đến dưới 16 tuổi, còn A chưa đủ 18

tuổi. Do đó hành vi của A chưa cấu thành tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi quy định tại Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với đối tượng tên Nguyễn (không rõ nhân thân lai lịch) được A nhờ chở đến nhà U xin tiền, việc A trộm cắp tài sản của U thì A không nói cho Nguyễn biết. Hiện nay không biết Nguyễn đang ở đâu, Công an đang tiếp tục điều tra xác minh nếu có căn cứ sẽ xử lý sau theo quy định.

3. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 287/CT-VKSBH-HS ngày 13/6/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Phan Nguyễn Tuấn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Phan Nguyễn Tuấn A 06 tháng tù đến 12 tháng tù.
- Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo A có mặt không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

3. Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại bà Nguyễn Phan Trần Hoàng U có đơn xin xét xử vắng mặt, lời khai của họ đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- **Những chứng cứ xác định có tội:** Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, kết luận định giá tài sản, biên bản lấy lời khai bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19h30 ngày 25/11/2021, Phan Nguyễn Tuấn A đã có hành trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Phan Trần Hoàng U, 01 điện thoại Iphone 11 Promax loại 64GB; 01 ốp lưng cho điện thoại Iphone 11 Promax. Tổng giá trị tài sản A trộm cắp là 20.858.600đ (hai mươi triệu tám trăm năm mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

- **Về tội danh:** Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Phan Nguyễn Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản cáo trạng số 287/CT-VKSBH-HS ngày 13/6/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội “trộm cắp tài sản” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- **Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:** Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong đời sống của người dân tại các khu dân cư. Bị cáo là người không có nghề nghiệp, biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

- **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Không có.

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo A là các tình tiết

theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo A để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về vật chứng:

01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax và 01 ốp lưng cho điện thoại Iphone 11 Promax, đã trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về các vấn đề khác có liên quan tới vụ án:

- Trong quá trình điều tra còn xác định được Phan Nguyễn Tuấn A đã có hành vi giao cấu với Huỳnh Ngọc Thanh T, sinh ngày 19/11/2004, tại thời điểm thực hiện hành vi giao cấu Tâm đã trên 13 đến dưới 16 tuổi, còn A chưa đủ 18 tuổi. Do đó hành vi của A chưa cấu thành tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi quy định tại Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với đối tượng tên Nguyễn (không rõ nhân thân lai lịch) được A nhờ chở đến nhà U xin tiền, việc A trộm cắp tài sản của U thì A không nói cho Nguyễn biết. Hiện nay không biết Nguyễn đang ở đâu, Công an đang tiếp tục điều tra xác minh nếu có căn cứ sẽ xử lý sau theo quy định là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Bị hại bà Nguyễn Phan Trần Hoàng U không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Phan Nguyễn Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Phan Nguyễn Tuấn A **08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.**

2. *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phan Nguyễn Tuấn A phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo Phan Nguyễn Tuấn A được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.Biên Hòa
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hòa